

Bản án số: 250/2022/HSPT

Ngày: 07-7-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- T2 phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tiến

Các thẩm phán: Ông Trương Minh Tuấn

Ông Nguyễn Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Văn Thị Mỹ Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Vinh, Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 213/2022/TLPT-HS ngày 26 tháng 5 năm 2022 đối với bị cáo Phạm Ngọc T và đồng phạm về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 29/2022/HSST ngày 22/4/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1840/2022/QĐXXPT-HS ngày 20 tháng 6 năm 2022.

*** Bị cáo có kháng cáo:**

1. Phạm Ngọc T. Tên gọi khác: T Chùa. Sinh ngày 24/7/1990, tại huyện C, tỉnh Gia Lai. Nơi ĐKKHKT: thôn C 3, thị trấn C, huyện C, tỉnh Gia Lai; Chỗ ở: tổ dân phố 01, thị trấn C, huyện C, tỉnh Gia Lai. Nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Hữu M và bà Hồ Thị Thu T; bị cáo có vợ là Vũ Thị N; sống như vợ chồng với Nguyễn Thị Thủy; Có 02 con, lớn sinh năm 2015, nhỏ sinh năm 2020;

Tiền án: Năm 2006 phạm tội Trộm cắp tài sản, tại Bản án hình sự số: 10/2007/HSST ngày 01/02/2007 của Tòa án huyện C tuyên phạt 08 tháng tù cho hưởng án treo.

Tháng 6 năm 2007, phạm tội Trộm cắp tài sản, tại Bản án số: 77/2007/HSST ngày 27/12/2007 của Tòa án nhân dân huyện C tuyên phạt 18 tháng tù, tổng hợp

hình phạt 08 tháng án treo của Bản án số: 10/2007/HSST, buộc bị cáo chấp hành 26 tháng tù.

Trong tháng 7 năm 2007 phạm tội Cướp tài sản, tại bản án hình sự số: 68/2008/HSST ngày 28/5/2008 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai tuyên phạt 06 năm tù, tổng hợp hình phạt của Bản án số 77/2007/HSST ngày 27/12/2007 của Tòa án nhân dân huyện C, buộc bị cáo chấp hành là 08 năm 02 tháng tù. Thi hành án tại Trại giam Gia Trung, ngày 28/10/2014 chấp hành xong hình phạt.

Tháng 11 năm 2015 phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, tại Bản án hình sự số: 100/2016/HSST ngày 19/7/2016 của Tòa án nhân dân Thành phố P tuyên phạt 36 tháng tù và phạt bổ sung 5.000.000 đồng. Thi hành án tại Trại giam Gia Trung, ngày 26/9/2018 chấp hành xong hình phạt. Bị cáo chưa chấp hành xong hình phạt bổ sung; Tiền sự: Không

Nhân thân: Ngày 10/01/2022 bị Công an tỉnh Gia Lai xử phạt hành chính bằng hình thức phạt 15.000.000 đồng về hành vi Tàng trữ trái phép Công cụ hỗ trợ.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/01/2021 cho đến nay. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm Giam Công an tỉnh Gia Lai. Có mặt.

2. Lê Công T1. Tên gọi khác: T1 đen. Sinh ngày 15/02/1999, tại huyện C, tỉnh Gia Lai. Nơi ĐKKHKT: thị trấn C, huyện C, tỉnh Gia Lai; Nơi cư trú: huyện C, tỉnh Gia Lai; Nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Thế D và bà Lê Thị T; bị cáo có vợ là Trần Thị Ngọc H, có 01 con sinh năm 2018; Tiền án; Tiền sự: Không. Bị cáo đầu thú, tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/01/2021 cho đến nay. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm Giam Công an tỉnh Gia Lai. Có mặt

* *Người bào chữa cho bị cáo Phạm Ngọc T:* Ông Đào Văn T – Luật sư thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Gia Lai. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

* *Người bào chữa cho bị cáo Lê Công T1:*

Ông Huỳnh Văn K – Luật sư Văn phòng Luật sư H – Đoàn Luật sư tỉnh Gia Lai. Có mặt.

* *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

Ông Phạm Hữu M, sinh năm 1965. Địa chỉ: Thôn C 3, thị trấn C, huyện C, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 05 giờ 30 phút ngày 17/01/2021 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Gia Lai tiến hành lập biên bản phạm tội quả tang đối với Trần Q B (*sinh ngày 15/4/1992, đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố 12, thị trấn C, huyện C*) và

Đinh Hoàng Bảo A (*sinh ngày 15/10/1989, trú tại thôn C 01, thị trấn C, huyện C*) về hành vi vận chuyển trái phép chất ma túy trên địa bàn xã I, huyện P.

Tang vật tạm giữ của B và A là 01 gói nilon màu xanh bên trong chứa chất rắn dạng tinh thể màu trắng, 01 xe ô tô biển kiểm soát 81A-13788 và 03 điện thoại di động.

Tiến hành khám xét nơi ở của Trần Q B tại tổ dân phố 12 thị trấn C, huyện C, Cơ quan điều tra thu giữ 01 hộp giấy hình chữ nhật.

Tại Kết luận giám định số: 91/KLGD ngày 22/01/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Gia Lai kết luận: 01 gói nilon ghi thu của Trần Q B và Đinh Hoàng Bảo A gửi giám định là ma túy loại Ketamine, có khối lượng 508,9802 gam.

Đến 08 giờ 10 phút ngày 17/01/2021, Lê Công T1 (*sinh ngày 15/02/1999, đăng ký hộ khẩu thường trú tại làng Ia Bâu, xã P, huyện C*) đến Công an thị trấn huyện C để đầu thú về hành vi phạm tội của mình trong việc mua bán trái phép chất ma túy cùng với Phạm Ngọc T. Đến 08 giờ 40 phút ngày 17/01/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Gia Lai tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của T1 tại làng Ia Bâu, xã P, huyện C, thu giữ 235 viên nén (11 viên nén màu cam ở trong phòng ngủ của T1, 210 viên nén màu cam và 10 viên nén màu xanh, 04 viên nén màu tím ở trong khuôn viên vườn nhà T1) cùng 01 cân tiểu ly và 160 bì kít nilon. Sau đó T1 tự giao nộp 01 hộp giấy T1 khai là hộp đựng ma túy mà T1 đi đến nhà xe Thu Trang lấy cho T vào ngày 16/01/2021, đồng thời tạm giữ của T1 01 điện thoại di động.

Tại Kết luận giám định số: 92/KLGD ngày 25/01/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Gia Lai kết luận về 235 viên nén thu giữ khi khám xét nơi ở của Lê Công T1 là ma túy, loại MDMA có tổng khối lượng 99,869 gam.

Vào lúc 13 giờ 45 phút ngày 17/01/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Gia Lai tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Phạm Ngọc T (*sinh ngày 24 tháng 7 năm 1990 chỗ ở tại tổ dân phố 01, thị trấn C, huyện C*) thu được 30 viên nén màu cam cất giấu phía sau kết sắt trong góc tường ở trong phòng ngủ của vợ chồng T, đồng thời tạm giữ của T 01 khẩu súng, 07 viên đạn, 02 điện thoại di động và 01 xe ô tô biển kiểm soát 81C-167.60.

Tại Kết luận giám định số: 93/KLGD ngày 25/01/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Gia Lai kết luận: 30 viên nén thu giữ khi khám xét nơi ở của Phạm Ngọc T gửi giám định là ma túy loại MDMA có tổng khối lượng 12,5509 gam.

Tại Kết luận giám định số: 1720/C09B ngày 25/3/2021 của Phân Viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh, kết luận:

Khẩu súng ngắn ghi hiệu Zoraki Mod 914-TD gửi giám định là súng Zaroki Mod 914 cỡ 9mm, số hiệu thủy nguyên của súng ZRCWi02 1812-01743; súng sử

dụng để bắn đạn cao su, đạn hơi cay và đạn nổ uy hiếp cỡ (9x22)mm. Hiện tại súng có đủ các bộ phận, lắp ráp đúng vị trí và bắn được đạn nổ.

07 viên đạn gửi giám định là đạn cao su cỡ (9x22)mm, sử dụng để bắn cho một số loại súng công cụ hỗ trợ cỡ 9mm và khẩu súng gửi giám định.

Các mẫu vật gửi giám định là công cụ hỗ trợ không phải vũ khí quân dụng, súng săn hay vũ khí thể thao.

Cơ quan điều tra đã chứng minh được hành vi phạm tội của các bị can như sau:

Vào khoảng tháng 10 năm 2020, Phạm Ngọc T rú Lê Công T1 tham gia bán ma túy kiếm lời, T1 đồng ý, T là người bỏ tiền ra mua ma túy của một đối tượng tên gọi là “L Sói” ở Thành phố Hồ Chí Minh (không rõ họ tên, địa chỉ) rồi đưa về huyện C, tỉnh Gia Lai cất giấu tại nhà ở của T tại tổ dân phố 1, thị trấn C và nhà ở của T1 tại làng IaBâu, xã P, huyện C. T và T1 đã bán ma túy cho nhiều đối tượng khác nhau trên địa bàn huyện C và Thành phố P. Tiền bán được ma túy T1 dùng tài khoản của vợ là Trần Thị Ngọc H đăng ký tại Ngân hàng X chuyển tiền đến số tài khoản của Phạm Ngọc T đăng ký tại Ngân hàng Y. Trong số các đối tượng mua ma túy của T và T1 có Nguyễn Hữu T2, Trần Q B, Chu Xuân C (*sinh năm 1991, trú tại tổ dân phố 3, trú tại thị trấn C, huyện C*) và Lý Thị M T (*sinh năm 1986, trú tại thôn 3, xã Biển Hồ, Thành phố P, tỉnh Gia Lai*).

Đến khoảng giữa tháng 12 năm 2020, Trần Q B biết Đinh Hoàng Bảo A có mối mua bán ma túy tại Thành phố Hồ Chí Minh nên giới thiệu bán ma túy “khay” (Ketamine) cho T với số lượng lớn, T đồng ý mua. Mỗi lần T đặt mua ma túy thì đưa tiền trước cho B, rồi B chuyển tiền cho Đinh Hoàng Bảo A. A liên hệ với Vũ Ngọc L (*sinh năm 1985, trú tại Thành phố Hồ Chí Minh*) mua ma túy đưa về C bán cho B, B bán cho T.

Trong thời gian từ tháng 12 năm 2020 đến ngày 15/01/2021, B đã mua ma túy của A và bán cho T 03 lần. Lần thứ nhất 0,5 lạng “khay” (Ketamine) với số tiền là 38.000.000 đồng, lần thứ hai là 1,1 lạng “khay” (Ketamine) với số tiền là 73.000.000 đồng và lần thứ ba ngày 15/01/2021, T đặt mua của B 05 lạng ma túy “khay” (Ketamine), B đồng ý bán cho T với giá 56.000.000 đồng/1lạng, tổng cộng 280.000.000 đồng, B yêu cầu T đưa tiền trước, T đồng ý. Đến khoảng 11 giờ cùng ngày, T nói Lê Công T1 đi thế chấp vàng và mang 25.000.000 đồng đến nhà đưa cho B. Đến khoảng 13 giờ cùng ngày, T sử dụng tài khoản của mình tại Ngân hàng Y chuyển đến tài khoản của B đăng ký tại Ngân hàng Y tổng cộng 85.000.000 đồng. Đến khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày, T hai lần đưa tiền cho B với số tiền 154.000.000 đồng, trong đó có 01 lần đi cùng với Đặng Q P (*sinh năm 1994, trú tại thôn Kê, thị trấn C, huyện C*). Đồng thời B và T thỏa thuận trừ 15.000.000 đồng B nợ T trước đó. Tổng cộng T đưa cho B 279.000.000 đồng tiền mua ma túy,

T còn nợ B 1.000.000 đồng. B hẹn với T đến khoảng 08 giờ ngày 16/01/2021 sẽ có ma túy gửi về giao cho T.

Sau khi nhận được tiền của T mua ma túy, B đã dùng tài khoản của mình tại Ngân hàng Y chuyển tiền đến số tài khoản của Đinh Hoàng Bảo A đăng ký tại Ngân hàng X với số tiền 249.500.000 đồng để mua 05 lạng ma túy khay (Ketamine) giá 229.000.000 đồng để bán cho T và B mua thêm 200 viên thuốc lắc (MDMA) với giá 20.500.000 đồng. Sau khi nhận được tiền A sử dụng tài khoản của mình chuyển 249.000.000 đồng đến tài khoản của Vũ Ngọc L đăng ký tại Ngân hàng X mua 05 lạng Ketamine và 200 viên thuốc lắc (MDMA) để bán cho B, đồng thời A mua thêm 01 hộp 10 ma túy khay (Ketamine). Nhận được tiền L hẹn với A gửi ma túy theo xe khách từ Thành phố Hồ Chí Minh về huyện C, tỉnh Gia Lai cho A.

Đến 07 giờ ngày 16/01/2021, T nói T1 đi đến nhà xe Thu Trang tại thị trấn C, huyện C, tỉnh Gia Lai nhận gói thuốc lắc (MDMA) mà T mua của “L Sói” ở Thành phố Hồ Chí Minh gửi về. T1 đồng ý và rủ Lê Đức Q (*tên gọi khác Nan, sinh ngày 10/9/2004, trú tại thôn 01, xã I, huyện C*) chở T1 đi đến nhà xe Thu Trang (T1 không nói Q biết đi nhận ma túy). Sau khi nhận được gói ma túy T1 điện thoại cho T nhưng không liên lạc được nên T1 để Q và gói ma túy ở khu vực đường tránh thị trấn C rồi một mình đi đến nhà của T báo đã nhận được ma túy. T sử dụng xe ô tô bán tải biển số 81C-167.60 của mình chở T1 đi đến chỗ Q, rồi Q lên xe ô tô, T bảo Q bóc băng keo dán trên hộp quà rồi đưa cho T, T cầm xem và nói “đúng rồi”. T điều khiển xe ô tô chở T1, Q đi về nhà T1 tại làng IaBầu, xã ChưPong, huyện C, T mang hộp ma túy và chiếc cân tiểu ly điện tử ra sau vườn nhà T1 cất giấu.

Khoảng hơn 09 giờ ngày 16/01/2021, do chưa thấy ma túy mua từ Thành phố Hồ Chí Minh gửi về huyện C như đã hẹn, B nói A liên hệ với L thì được biết chưa có ma túy. B nói lại với T chưa có ma túy và thỏa thuận cho B giao ma túy chậm thêm mấy ngày, nhưng T không đồng ý và yêu cầu B phải giao đủ ma túy trong ngày cho T như đã hẹn và bị phạt thêm 15.000.000 đồng vì giao ma túy chậm. Bị T thúc ép, nên B nói A liên hệ với L có ma túy trong ngày để giao cho T. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày L báo cho A biết đã có ma túy khay (Ketamine), nhưng không có thuốc lắc (MDMA), lúc này B nói với A phải trực tiếp đi vào Thành phố Hồ Chí Minh nhận ma túy mang về huyện C để giao cho T. Đinh Hoàng Bảo A liên lạc với Vũ Ngọc L đưa ma túy cho Nguyễn Thanh H (*sinh ngày 01/01/1988, trú tại quận B T, Thành phố Hồ Chí Minh*) là bạn của A và L cầm mang giao cho A. Đồng thời, A liên lạc với H nói đến chỗ L nhận 05 lạng ma túy khay (Ketamine) đón xe tắcxi từ Thành phố Hồ Chí Minh đi đến tỉnh Gia Lai, còn A đi từ tỉnh Gia Lai đến Thành phố Hồ Chí Minh, trên đường đi liên lạc với nhau

gặp ở đâu thì dừng lại giao nhận ma túy, H đồng ý đến gặp L nhận ma túy cầm mang đi giao cho A.

Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, B thuê Trần Văn H (*trú tại tổ dân phố 08, thị trấn C, huyện C, tỉnh Gia Lai là người chạy xe chở khách dịch vụ*) chở B và A đi từ thị trấn C vào Thành phố Hồ Chí Minh với giá 5.000.000 đồng, H không biết việc A và B đi nhận ma túy. Trên đường đi A thường xuyên liên lạc với L và H để biết địa điểm đã đi đến của nhau để giao nhận ma túy. Đến khoảng 01 giờ ngày 17 tháng 01 năm 2021, A và B gặp H trên đường quốc lộ 14 thuộc địa phận thị xã G, tỉnh Đắk Nông. Khi gặp nhau Nguyễn Thanh H lên xe ngồi ở hàng ghế sau và giao ma túy cho A không cho H biết, sau đó H xuống xe đi về hướng Thành phố Hồ Chí Minh, còn A và B mang ma túy đi về huyện C, tỉnh Gia Lai, trên đường đi về B ra ghế sau ngồi cầm gói ma túy giấu trong áo khoác của mình ôm trên người, còn A ngồi ghế trước. Trong thời gian B và A đi Thành phố Hồ Chí Minh nhận ma túy, T và T1 thường xuyên liên lạc, nhắn tin để hỏi B để giao ma túy đã thỏa thuận.

Đến 05 giờ ngày 17 tháng 01 năm 2021, B và A mang gói ma túy mua được đi theo đường quốc lộ 14 về đến địa phận thôn 06 xã IaLe, huyện P, tỉnh Gia Lai thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Gia Lai phát hiện bắt quả tang đồng thời thu giữ 508,9802gam Ketamine, 02 điện thoại di động của Trần Q B, 01 điện thoại di động của Đinh Hoàng Bảo A, 01 xe ô tô biển số: 81A - 137.88 của Trần Văn H. Đến 08 giờ cùng ngày, Lê Công T1 đã đầu thú khai nhận hành vi phạm tội của mình cùng đồng phạm, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Gia Lai tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của T1 thu giữ 99,869 gam MDMA và tiến hành bắt khẩn cấp Phạm Ngọc T, thu giữ tại nơi ở của T 12,5509 gam MDMA.

Từ tháng 10 năm 2020 đến tháng 12 năm 2020, Nguyễn Hữu T2 thuê nhà trọ tại Thành phố P, tỉnh Gia Lai ở cùng với Phan Văn Q và Vi Q T3 để bán ma túy, T2 đã nhiều lần mua ma túy loại MDMA và Ketamine của T và T1 rồi đưa cho Q và T3 mang đi bán trên địa bàn Thành phố P và huyện I, tỉnh Gia Lai. Tiền bán ma túy T2 và Q đưa cho T3 để T3 dùng tài khoản của mình chuyển đến tài khoản số 1000181817777 của T tại Ngân hàng Y để trả tiền mua ma túy, số tiền lời kiếm được T2 với Q, T3 chia nhau tiêu xài hết. Ngày 09 và ngày 10 tháng 12 năm 2020 T2 đưa cho Q 01 gói Ketamine khối lượng 0,2428gam và 05 viên ma túy loại MDMA có khối lượng 1,8207 gam mua của T để Q mang đi bán. Q mang đi bán cho cho đối tượng tên Lê Đức T4 (*sinh năm 1998, trú tại tổ dân phố 6, thị trấn IaKha, huyện I, tỉnh Gia Lai*) thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện I phát hiện bắt và thu giữ toàn bộ tang vật. Ngày 29 tháng 12 năm 2020 T2 đưa cho T3 02 gói Ketamine khối lượng 2,9477gam và 05 viên ma túy loại MDMA có khối lượng 2,9183gam mua của T để T3 mang đi bán trên địa bàn phường D, Thành phố P, tỉnh Gia Lai thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Gia Lai phát hiện

bắt và thu giữ toàn bộ tang vật. Từ ngày 09/12/2020 đến ngày 19/12/2020 Vi Q T3 đã ba lần chuyển 23.000.000 đồng đến số tài khoản của Phạm Ngọc T tại Ngân hàng Y và 1.000.000 đồng đến số tài khoản của Lê Công T1 tại Ngân hàng Sacombank trả tiền T2 mua ma túy của T và T1.

Trần Q B, ngoài ba lần bán ma túy với số lượng lớn cho Phạm Ngọc T thì còn nhiều lần mua lẻ ma túy loại MDMA và Ketmine của T cùng T1 và thực hiện hành vi bán trái phép chất ma túy cho nhiều đối tượng khác nhau trên địa bàn huyện C, tỉnh Gia Lai, mỗi lần B mua khoảng 05 viên thuốc lắc và 01 hộp “5” ma túy khay (Ketamnie). Trong đó có ngày 18/9/2020 B mua của T 01 gói ma túy khay (Ketamnie) và 02 viên thuốc lắc (MDMA) mang đi bán cho Bùi Quốc Tín (*sinh năm 1988, trú tại tổ dân phố 01, thị trấn C, huyện C, tỉnh Gia Lai*) với giá 1.600.000 đồng, Tín mang đi sử dụng thì bị Công an huyện C phát hiện xử phạt vi phạm hành chính. Ngày 15/01/2021 B mua của T 05 viên thuốc lắc (MDMA) với giá 1.500.000 đồng mang đi bán cho đối tượng tên gọi “Ken Pê dê” ở thị trấn C, số tiền này B chưa trả cho T1 thì bị bắt giữ.

Tổng số tiền Trần Q B đã chuyển khoản trả cho Phạm Ngọc T để mua ma túy từ ngày 24/11/2020 đến ngày 15/01/2021 là 168.700.000 đồng.

Từ tháng 11 năm 2020 đến ngày 14/01/2021, Chu Xuân C đã nhiều lần mua thuốc lắc (MDMA) và ma túy khay (Ketmine) của T và T1 để sử dụng. Sau khi mua ma túy thì C chuyển tiền trả cho T đến tài khoản của Phạm Ngọc T tại Ngân hàng Y, từ ngày 23/11/2020 đến ngày 14/01/2021 C đã chuyển trả cho T để mua ma túy với số tiền là 67.300.000 đồng.

Sau khi bán ma túy có tiền, Lê Công T1 đã dùng tài khoản của vợ là Trần Thị Ngọc H chuyển tiền cho T, từ ngày 09/11/2020 đến ngày 16/01/2021 T1 đã chuyển tổng cộng 112.750.000 đồng.

Tổng số tiền mua bán ma túy Lê Công T1, Trần Q B, Vi Q T3, Chu Xuân C chuyển khoản trả cho Phạm Ngọc T là 371.750.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 29/2022/HSST ngày 22/4/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai đã quyết định:

1. Về tội danh:

Tuyên bố các bị cáo Phạm Ngọc T, Lê Công T1 phạm tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”

2. Về hình phạt:

*Áp dụng điểm b, e khoản 4 Điều 251, điểm g, h khoản 1 Điều 52, Điều 39, Điều 58 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Ngọc T **Tù chung thân**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 17/01/2021.

*Áp dụng điểm b, e khoản 4 Điều 251; các điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lê Công T1 **20** (hai mươi) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày

17/01/2021.

3. Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự Buộc bị cáo Phạm Ngọc T nộp 50.000.000đ, bị cáo Lê Công T1 nộp 20.000.000đ để sung Ngân sách.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phân xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xử sơ thẩm: Ngày 29/4/2022, bị cáo Lê Công T1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt với lý do: Bản án sơ thẩm xử phạt bị cáo 20 năm tù là quá nặng so với hành vi phạm tội của Bị cáo, Bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, lao động chính trong gia đình, còn mẹ già, con nhỏ nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; ngày 05/5/2022, bị cáo Phạm Ngọc T kháng cáo xin xem xét lại hành vi phạm tội và giảm nhẹ hình phạt vì mức án tù chung thân là quá nặng đối với bị cáo và xin trả lại xe cho cha của Bị cáo

Tại phiên tòa: Bị cáo Lê Công T1 rút đơn kháng cáo, bị cáo Phạm Ngọc T, vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo; Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo Lê Công T1; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Ngọc T, giữ nguyên hình phạt đối với bị cáo Phạm Ngọc T; Luật sư bào chữa cho bị cáo Phạm Ngọc T đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T.

Sau khi nghe: Bị cáo trình bày nội dung kháng cáo; quan điểm của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án; Lời bào chữa của Luật sư bào chữa cho bị cáo và tranh luận tại phiên tòa. Sau khi thảo luận và nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Theo án sơ thẩm và các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử sơ thẩm và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm thì có cơ sở để kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 10/2020 đến tháng 01/2021, Phạm Ngọc T đã nhiều lần thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy cho nhiều đối tượng trên địa bàn tỉnh Gia Lai cụ thể như sau: từ tháng 12/2020 đến tháng 01/2021, Phạm Ngọc T đã 03 lần mua ma túy của Trần Q B, Đinh Hoàng Bảo A, đến lần thứ 3 vào ngày 15/01/2021, Phạm Ngọc T thống nhất mua 05 lạng Ketamine của Trần Q B với số tiền là 280.000.000 đồng, B chuyển tiền cho Đinh Hoàng Bảo A và A đã chuyển 249.000.000 đồng cho Vũ Ngọc L để mua 05 lạng Ketamine và 200 viên thuốc lắc. Ngày 17/01/2021, khi A và B đang vận chuyển 508,9802 gam Ketamine về cho Phạm Ngọc T đến thôn 6 xã I, huyện P, tỉnh Gia Lai thì bị bắt quả tang.

Ngày 16/01/2021, Phạm Ngọc T còn có hành vi tàng trữ 112,4199 gam MDMA để bán, trong số ma túy này, T cất giấu tại nhà Lê Công T1 99,869 gam MDMA để bán cho Nguyễn Hữu T2 để T2 đưa cho Vi Q T3 và Phan Văn Q đi bán

3,1905gam Ketamine và 4,739 gam MDMA thì bị bắt quả tang. Lê Công T1 đã nhiều lần bán ma túy cho Trần Q B và Nguyễn Hữu T2.

Với hành vi như trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 29/2022/HSST ngày 22/4/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai đã tuyên bố các bị cáo Phạm Ngọc T, Lê Công T1 phạm tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b, e khoản 4 Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng pháp luật. Kháng cáo của bị cáo Phạm Ngọc T đề nghị xem xét lại hành vi của bị cáo không có căn cứ để chấp nhận.

[2]. Tại phiên tòa, bị cáo Lê Công T1 rút kháng cáo. Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 3 Điều 342 Bộ luật tố tụng hình sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo Lê Công T1. Các quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm đối với bị cáo Lê Công T1 có hiệu lực thi hành.

[3]. Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Phạm Ngọc T thì thấy: Bị cáo Phạm Ngọc T bị bắt quả tang khi mua bán trái phép 508,9802 gam Ketamine và 112,4199 gam MDMA. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm vì xâm phạm đến quyền quản lý các chất gây nghiện của nhà nước, làm ảnh hưởng đến sức khỏe con người, ảnh hưởng đến trật tự trị an. Bị cáo mua bán trái phép chất ma túy có khối lượng 508,9802 gam Ketamine và 112,4199 gam MDMA nên bị truy tố và xét xử theo tình tiết định khung được quy định tại điểm b, e khoản 4 Điều 215 Bộ luật hình sự năm 2015 có khung hình phạt tù 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình. Khi quyết định hình phạt đối với bị cáo, Án sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo để xử phạt bị cáo Phạm Ngọc T mức án Tù chung thân là mức án đầu giữa khung của tội mà bị cáo bị truy tố và xét xử là phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội và nhân thân của bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng các tình tiết giảm nhẹ hình phạt mà bị cáo và Luật sư bào chữa cho bị cáo nêu ra thì đã được Bản án sơ thẩm xem xét, áp dụng nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo. Giữ nguyên hình phạt mà Bản án hình sự sơ thẩm số 29/2022/HSST ngày 22/4/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai đã quyết định đối với bị cáo.

[4]. Xét kháng cáo của bị cáo Phạm Ngọc T xin trả lại xe ô tô bán tải, hiệu NISSAN, biển kiểm soát 81C-167.60 cho cha của Bị cáo là ông Phạm Hữu M thì thấy: Bản án sơ thẩm nhận định: “ Đối với 01 xe ô tô bán tải, màu trắng, hiệu NISSAN, biển kiểm soát 81C-167.60, số khung: 2D23Z0025759 mang tên Phạm Hữu M: ông M cho rằng ông không biết chạy xe ô tô nhưng mua xe về cho thuê và cho T mượn. Tuy nhiên, theo lời khai của anh Huỳnh Tấn Đào là người bán xe thì anh bán xe cho Phạm Ngọc T vào tháng 10/2019 với giá 510.000.000 triệu đồng, T là người giao dịch, trả tiền mua xe cho anh Đào nhưng khi ký hợp đồng thì ông Phạm Hữu M là người ký. Lời khai này có căn cứ và phù hợp với thực tế khi thu thập lời khai của ông Phạm Hữu M thì ông không nhớ thời gian và số tiền mua xe,

ông không biết đi xe cũng không chứng minh được cho ai thuê xe, không chứng minh được nguồn tiền mua xe. Do đó, có căn cứ cho rằng chiếc xe là của T, vì T sử dụng chiếc xe làm phương tiện phạm tội nên tịch thu sung vào Ngân sách nhà nước”. Nhận định của Bản án sơ thẩm là có căn cứ, phù hợp với các chứng cứ liên quan đến xe ô tô bán tải, hiệu NISSAN, biển kiểm soát 81C-167.60 nên kháng cáo của Bị cáo cũng không có căn cứ để chấp nhận.

[5]. Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Phạm Ngọc T phải chịu án phí hình sự phúc thẩm; do rút kháng cáo nên bị cáo Lê Công T1 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại điểm b, g khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

[6]. Các Quyết định về: Hình phạt bổ sung, Xử lý vật chứng, Biện pháp tư pháp, Án phí sơ thẩm và các Quyết định đối với các bị cáo Trần Q B, Đinh Hoàng Bảo A, Nguyễn Hữu T2 không có kháng cáo và không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật và được thực hiện theo Quyết định tại Bản án hình sự sơ thẩm số 29/2022/HSST ngày 22/4/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

Từ những nhận định trên.

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ: khoản 3 Điều 342, điểm a khoản 2 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo Lê Công T1. Các quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm đối với bị cáo Lê Công T1 có hiệu lực thi hành.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Ngọc T. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 29/2022/HSST ngày 22/4/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

1. - Áp dụng điểm b, e khoản 4 Điều 251, điểm g, h khoản 1 Điều 52, Điều 39, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015:

Xử phạt bị cáo Phạm Ngọc T Tù chung thân về tội: “ Mua bán trái phép chất ma túy ”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 17/01/2021.

2. Án phí phúc thẩm:

- Áp dụng điểm b, g khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Phạm Ngọc T phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự phúc thẩm.

Bị cáo Lê Công T1 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các Quyết định về: Hình phạt bổ sung, Xử lý vật chứng, Biện pháp tư pháp, Án phí sơ thẩm và các Quyết định đối với các bị cáo: Trần Q B, Đinh Hoàng

Bảo A, Nguyễn Hữu T2 được thực hiện theo Quyết định tại Bản án hình sự sơ thẩm số 29/2022/HSST ngày 22/4/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan CSĐT-Công an tỉnh Gia Lai;
- Phòng HSNV-Công an tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan CSTHAHS-CA tỉnh Gia Lai;
- Sở Tư pháp tỉnh Gia Lai;
- Cục THADS tỉnh Gia Lai;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Gia Lai;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tiến